TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày 13/6/2024.
V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thùy Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13/5/2024 và ngày 13/6/2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc mở phiên toà để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 139/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022, về việc: "Kiện tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST- DS ngày 08/4/2024; . Quyết định ngừng phiên tòa số 03/2024/QĐST ngày 13/5/2024; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1936.

Địa chỉ: Thôn xx, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.(vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Thanh H, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Thôn xx, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/3/2022 (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Thôn xx, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.(có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk .

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Minh T – Chủ tịch.(vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn M – Công chức Địa chính xã T, huyện K.

Địa chỉ: Thôn xx, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (theo Giấy ủy quyền ngày 27/6/2023- Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Tổ dân phố xx, TT. Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Xuân D – Chủ tịch UBND huyện K.(vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Minh T – Phó chủ tịch UBND huyện K.

Địa chỉ: Tổ dân phố xx, TT. Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (theo văn bản ủy quyền số 15 ngày 03/7/2023 - Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Minh L, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số xx Ph, tổ dân phố xx, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Anh Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1982 (vắng mặt)

5. Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

6. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1993 (vắng mặt)

7. Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn xx, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

8. Chị Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm: 2001

Địa chỉ: Thôn Th xx, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

9. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn xx, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Số 00 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2022 của bà Nguyễn Thị Ng, quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của bà Ng ông Phan Thanh H trình bày:*

Năm 1993 bà Nguyễn Thị Ng, ông Phan Th có mua của ông Nguyễn L khoảng 2300m^2 đất tại thôn 1, xã T, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất nói trên có vị trí cụ thể như sau:

- Đông giáp đất ông Tr;
- Tây giáp đất ông Đ;
- Nam giáp đất ông H và đất ông L;

- Bắc giáp đường đi.

Năm 1994 gia đình bà Ng kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), ngày 03 tháng 01 năm 1994, thửa đất của gia đình bà Ng được UBND huyện K, cấp GCNQSDĐ số A 54038, với diện tích 2236m2 thuộc thửa đất số 155, tờ bản đồ số 1, mục đích sử dụng đất trồng màu, địa chỉ: Địa chỉ: Thôn xx, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk mang tên ông Phan Th.

Năm 2003 ông Phan Th chết, năm 2010 thì gia đình thống nhất thỏa thuận đề nghị UBND huyện K chuyển tên thửa đất nói trên từ ông Phan Th sang cho bà Nguyễn Thị Ng, ngày 01/4/2010 thì thửa đất nói trên được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số BA 462426 cho bà Nguyễn Thị Ng, với diện tích 2236m2 thuộc thửa đất số 155, tờ bản đồ số 1, mục đích sử dụng đất trồng màu. Khi cấp GCNQSDĐ cho ông Phan Th nay là đất của bà Ng, UBND huyện K đã cấp sai số thửa và tờ bản đồ. Thực tế đất gia đình bà Ng là thửa số 37A, tờ bản đồ số 03 nhưng UBND huyện lại cấp thành thửa số 155, tờ bản đồ số 01. Mặt khác quá trình sử dụng hộ liền kề là ông Nguyễn Minh Đ đã lấn chiếm của bà Ng với diện tích khoảng 152m^2 có vị trí như sau:

- Đông giáp của bà Ng dài khoảng 100m;
- Tây giáp đất ông Đ, cạnh dài khoảng 100;
- Nam giáp đất ông Lớn, cạnh dài 1,52m;
- Bắc giáp đường đi, cạnh dài 1,52m.

Do tuổi già, con cái ở xa, UBND huyện K lại ghi sai ký hiệu thửa đất nên bà Ng không thể biết được ranh giới đất nên không thể nói chuyện được với ông Đ. Để đảm bảo quyền lợi nên bà Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1/ Buộc ông Nguyễn Minh Đ di dời các cây đã trồng và tài sản trên đất trả lại cho bà Ngyễn Thị Ng phần đất đã lấn chiếm có diện tích 152m2, có vị trí như sau:

- Đông giáp của bà Ng dài khoảng 100m;
- Tây giáp đất ông Đ, cạnh dài khoảng 100;
- Nam giáp đất ông Lớn, cạnh dài 1,5m;
- Bắc giáp đường đi, cạnh dài 1,5m.

Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH kỹ thuật trắc địa S – Chi nhánh Đắk Lắk thì hiện nay phần đất của bà Ng bị ông Đ lấn chiếm có tích diện tích 72,7m2 nên tôi chỉ yêu cầu ông Đ phải trả lại cho bà Ng diện tích 72,7m2 có vị trí: Đông giáp đất bà Ng cạnh dài 109.38m; Tây giáp đất ông Đ, cạnh dài 109,64m; Nam giáp đất ông Lớn, cạnh dài 0,78m; Bắc giáp đường đi, cạnh dài 0,59m đồng thời tôi xin rút yêu cầu đối với diện đất 79,3m^2

2/ Đề nghị UBND huyện K điều chỉnh lại ký hiệu thửa đất cho đúng với thửa đất mà gia đình bà Ng đang sử dụng từ thửa 155, tờ bản đồ số 01 sang thửa số 37A, tờ bản đồ số 03 theo quy định của pháp luật.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Minh Đ trình bày:***

Khoảng năm 1991 hoặc 1992, tôi nhận chuyển nhượng của ông Phạm Tấn Luật thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.200m2, có vị trí:

- Đông giáp đất bà Ng, cạnh dài khoảng 100m;
- Tây giáp đấy ông T, cạnh dài khoảng 100m;
- Nam giáp đất ông L, ông H cạnh dài khoảng 12m;
- Bắc giáp đường đi cạnh dài khoảng 12m.

Thời điểm ông L bán đất cho tôi thì chúng tôi không đo đạc diện tích đất là bao nhiêu, ông L chỉ tới đâu thì tôi mua và canh tác đến đó. Ngày 13/4/2001, thửa đất của tôi được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử đất với diện tích 1200m^2.

Sau khi tôi nhận chuyển nhượng đất khoảng một, hai năm thì bà Ng nhận chuyển nhượng của ông L1 thửa đất ngay sát thửa đất của tôi. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà Ng và ông Th đã trồng lên bờ ranh giữa đất tôi và đất bà Ng 01 hàng cây keo làm hàng rào ngăn cách giữa hai thửa đất (Hiện nay hàng cây keo đã bị anh H cắt cụt). Hơn nữa, đất bà Ng được cấp thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 01, trong khi đó thửa đất của tôi là thửa số 37, tờ bản đồ số 03. Trong khi đó hai thửa đất của chúng tôi lại có ranh liền kề nhau. Quá trình giải quyết vụ án UBND xã T cũng thừa nhận khi thực hiện việc cấp GCNQSDĐ cho ông Phan Th thực hiện tập trung, UBND xã T căn cứ vào Bản đồ giải thửa do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Đắk Lắk đo đạc năm 1987 và căn cứ và đơn kê khai xin cấp GCNQSDĐ của các hộ dân rồi lập tờ trình đề nghị UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân trong đó có hộ ông Phan Th mà không đo đạc thực tế. Như vậy, tôi nghĩ trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sự dụng đất cho ông Phan Th có sự nhầm lẫn về thửa đất nên diện tích trong GCNQSDĐ và trong thực tế có sai sót.

Bản thân tôi không lấn chiếm đất của bà Ng, tuy nhiên, sự việc tranh chấp nói trên bà Ng cứ kiện đi kiện lại nhiều lần, bản thân tôi không muốn kéo dài thêm việc tranh chấp nữa nên tôi chấp nhận lùi sang phần đất của mình phần đất có diện tích tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp đường chiều rộng 40cm; Phía Nam giáp đất ông L, ông H chiều rộng 40cm; Đông giáp đất bà Ng cạnh dài khoảng 100m; Tây giáp đất của tôi, cạnh dài khoảng 100m.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Tôi là con của bà Nguyễn Thị S (chết năm 2007) và ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị Ng là hàng xóm đồng thời là người có đất rẫy cạnh đất gia đình tôi. Tôi thừa nhận lời trình bày của ông Nguyễn Minh Đ về nguồn gốc thửa đất thửa

đất số 37, tờ bản đồ số 03, thời gian sử dụng, thời gian được cấp GCNQSDĐ. Tôi không có công sức đóng góp gì trong việc tạo dựng thửa đất nói trên. Nhưng khi còn sống chung với gia đình tôi cũng có trực tiếp canh tác trên thửa đất nói trên. Tôi khẳng định quá trình canh tác gia đình tôi không lấn chiếm đất của bà Ng. Hàng rào cây keo làm ranh giới là do gia đình bà Ng tự trồng hiện vẫn còn gốc. Hơn nữa tôi được biết thửa đất bà Ng được cấp GCNQSDĐ không đúng với thực tế đất bà Ng đang sử dụng, phía UBND xã T cũng thừa nhận khi thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị UBND huyện K cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Ng chỉ căn cứ vào kê khai của bà Ng mà không đo đạc trên thực địa nên đã có sự sai sót về diện tích đất trên thực tế bà Ng đang sử dụng với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tôi khẳng định gia đình tôi không lấn chiếm đất của bà Ng. Tuy nhiên, sự việc tranh chấp nói trên bà Ng cứ kiện đi kiện lại nhiều lần, bố tôi là ông Nguyễn Minh Đ không muốn kéo dài thêm việc tranh chấp nữa nên bố tôi chấp nhận lùi sang phần đất của mình phần đất có diện tích tứ cận như sau:

Bắc giáp đường chiều rộng 40cm; Nam giáp đất ông L và đất ông H chiều rộng 40cm; Đông giáp đất bà Ng cạnh dài khoảng 100m; Tây giáp đất của gia đình tôi, cạnh dài 100m cho bà Ng bản thân tôi không có ý kiến gì. Tuy nhiên, nếu bà Ng không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

+ Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh L, chị Nguyễn Thị Kim Ng trình bày: Anh L, chị Ng thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Văn Th và không bổ sung gì thêm.

+ Quá trình tham gia tố tụng đại diện UBND xã T ông Trần Văn M trình bày:

Đối với nguồn gốc thửa đất mà UBND huyện K cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Ng như sau:

Năm 1993, vợ chồng ông Phan Th nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn L1 thửa đất rẫy với diện tích 2236m^2, vợ chồng bà Ng sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số: A 4594038, ngày 03/01/1994 đối với thửa đất số 155, tờ bản đồ số 01, diện tích 2236m^{2,} mục đích sử dụng là đất trồng màu.

Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ cho ông Phan Th, UBND xã T căn cứ vào Bản đồ giải thửa do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Đắk Lắk đo đạc năm 1987 và căn cứ và đơn kê khai xin cấp GCNQSDĐ của các hộ dân, UBND xã lập tờ trình đề nghị UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân, trong đó có hộ ông Phan Th. Năm 2003 ông Phan Th chết, các đồng thừa kế của ông Phan Th từ chối nhận di sản. Đồng thời bà Nguyễn Thị Ng có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ và sở hữu nhà ở đối với thửa đất nêu trên từ ông Phan Th sang cho bà Nguyễn Thị Ng. Sau khi tiếp nhận hồ sơ của bà Ng, UBND xã T căn cứ đơn yêu cầu của bà Ng, trên cơ sở hồ sơ, số liệu đã cấp cho ông Phan Th trước đó. UBND xã T đã chuyển toàn bộ đơn yêu cầu và tài liệu đến UBND huyện để thực hiện việc chuyển tên từ ông Phan Th sang tên bà Nguyễn Thị Ng chứ không đi kiểm tra thực địa đối với thửa đất của ông Phan Th. Ngày 01/4/2010 UBND huyện K cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ

thành giấy chứng nhận QSDĐ số BA 462426 đối với thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị Ng.

+ Nguồn gốc thửa đất số 37 tờ bản đồ số 03, diện tích 1200m^2 có nguồn gốc là đất liên kết, ngày 01/01/2000 ông Đ có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất. Sau khi xem xét thấy đất ông Nguyễn Minh Đ đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền nên UBND xã T đã chuyển hồ sơ đến UBND huyện K đề nghị cấp GCNQSDĐ cho ông nguyễn Minh Đ đối với thửa đất nói trên. Ngày 13/9/2001 thửa đất trên được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số U 005065 cho hộ Nguyễn Minh Đ

- Năm 2020, bà Nguyễn Thị Ng có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với nội dung: Trong quá trình sử dụng hộ ông Nguyễn Minh Đ đã lấn sang phần diện tích thửa đất số 155, tờ bản đồ số 01 của bà Ng khoảng 152 m^2.

Sau khi xác minh, kiểm tra thực địa thì UBND xã T mới phát hiện vị trí thửa đất của ông Phan Th nay là đất Nguyễn Thị Ng (thửa đất số 155, tờ bản đồ số 01, diện tích 2236m2) được cấp không đúng với vị trí thửa đất mà bà Ng đang sử dụng.

Trên thực tế thửa đất bà Ng đang sử dụng là thửa đất số 37A, có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp thửa số 36 tờ bản đồ số 03; Phía Tây giáp thửa số 37, từ bản đồ số 03 (Đất ông Đ). Theo bản đồ đo đạc năm 1987 thì thửa đất số 37A thể hiện có diện tích là 1713 m^2 mục đích sử dụng đất trồng cà phê (CF) Trong khi đó đất bà Ng theo GCNQSDĐ số BA 462426, thửa đất số 155, tờ bản đồ số 01 do UBND huyện K cấp ngày 01/4/2010 được thể hiện có vị trí tiếp giáp: Phía Đông giáp thửa 156, phía Tây giáp thửa 154 tờ bản đồ số 01. Căn cứ vào tờ bản đồ số 01 đo đạc năm 1995 thì thửa đất số 155, tờ bản đồ số 01 thể hiện diện tích 2263m^2, mục đích sử dụng đất trồng màu (ĐM). Thửa đất số 155, tờ bản đồ số 01, được bà Phan Thị H kê khai xin cấp GCNQSDĐ năm 2001, hiện nay đang do ông Nguyễn Văn H sử dụng.

Đối chiếu GCNQSDĐ số: A 459403 do UBND huyện K cho ông Phan Th, nay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BA 462426 do UBND huyện K cấp ngày 01/4/2010 cho bà Nguyễn Thị Ng với tờ bản đồ số 01 đo đạc năm 1987 thì thửa đất số 155 và diện tích đất thực tế bà Nguyễn Thị Ng đang sử dụng. UBND xã T khẳng định việc cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Ng có sự sai sót về vị trí thửa đất, nên có sự sai lệch về diện tích đất trong GCNQSDĐ và diện tích đất trên thực địa mà bà Ng đang sử dụng.

Do vậy UBND xã T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

+ ***Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của UBND huyện K bà Ngô Thị Minh Tr trình bày***:

- Về thửa đất thửa số 155, tờ bản đồ số 01 diện tích 2236m2 mang tên bà Nguyễn Thị Ng như sau:

Ngày 03/01/1994 UBND huyện K ban hành quyết định số 01/QĐ -UB. Theo đó UBND huyện K cấp GCNQSDĐ cho 753 cá nhân. Thời điểm đó hộ ông Phan

Th được cấp GCNQSDĐ số A 954038, bao gồm 02 thửa, trong đó có thửa số 155, tờ bản đồ số 01 diện tích 2236m^2.

Thời điểm cấp GCNQSDĐ cho ông Phan Th, UBND huyện K căn cứ vào tờ trình của UBND xã T; Bản đồ giải thửa do Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Đắk Lắk đo đạc năm 1987 và đơn kê khai xin cấp GCNQSDĐ của ông Thành để cấp GCNQSDĐ cho ông Thành.

Năm 2003 ông Phan Th chết các đồng thừa kế của ông Phan Th từ chối nhận di sản của ông Phan Th, bà Nguyễn Thị Ng có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ và sở hữu nhà ở đối với các thửa đất đã cấp cho hộ ông Phan Th sang cho bà Nguyễn Thị Ng. Căn cứ các tài liệu do UBND xã T, ngày 01/4/2010 UBND huyện K cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ từ ông Phan Th sang cho bà Nguyễn Thị Ng theo giấy chứng nhận QSDĐ số BA 462426 đối với thửa đất trên.

+ Đối với trường hợp hộ Nguyễn Minh Đ, ngày 25/02/2001 UBND huyện K nhận được tờ trình về việc cấp GCNQSDĐ và giải quyết các trường hợp chưa đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ của UBND xã T. Theo đó UBND xã T đề nghị cấp GCNQSDĐ cho 2250 giấy chứng nhận, với diện tích 8018537m^2. Thời điểm đó hộ ông Nguyễn Minh Đ kê khai xin đăng ký tổng cộng 09 thửa, trong đó có thửa 37 tờ bản đồ số 03, diện tích 1200m^2. Ngày 13/9/2021 UBND huyện K ban hành Quyết định số 176/2001/QĐ-UB, theo đó UBND huyện K quyết định cấp GCNQSDĐ đối với 1421 hộ, 2250 Giấy với diện tích 8018537m^2. Thời điểm đó hộ ông Nguyễn Minh Đ cũng thuộc diện được cấp GCNQSDĐ trong đó có thửa 37, tờ bản đồ số 03 diện tích 1200m^2

Nay bà Ng cho rằng ông Đ lấn chiếm của bà Ng 152m^2 trong thửa đất số 155, tờ bản đồ số 01, GCNQSDĐ số BA 462426 sau khi kiểm tra, xác minh từ UBND xã T thì UBND huyện K mới phát hiện vị trí thửa đất của ông Phan Th nay là đất Nguyễn Thị Ng (thửa đất số 155, tờ bản đồ số 01, diện tích 2236m^2) được cấp không đúng với vị trí thửa đất mà bà Ng đang sử dụng.

Trên thực tế thửa đất bà Ng đang sử dụng là thửa đất số 37A, có vị trí phía Đông giáp thửa số 36, tờ bản đồ số 03; Phía Tây giáp thửa số 37, từ bản đồ số 03 (đất ông Đ). Theo bản đồ đo đạc năm1999 thì thửa đất số 37A có diện tích là 1713 m^2, mục đích sử dụng đất trồng cà phê (CF). Trong khi đó đất bà Ng theo GCNQSDĐ số BA 462426, thửa đất số 155, tờ bản đồ số 01 do UBND huyện K cấp ngày 01/4/2010 được thể hiện có vị trí tiếp giáp: Phía Đông giáp thửa 156, phía Tây giáp thửa 154 tờ bản đồ số 01. Căn cứ vào tờ bản đồ số 01 đo đạc năm 1987 thì thửa đất số 155, tờ bản đồ số 01 thể hiện diện tích 2663m^2, mục đích sử dụng đất trồng màu (ĐM). Hiện tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 01, được bà Phan Thị H kê khai xin cấp GCNQSDĐ năm 2001, hiện nay đang do ông Nguyễn Văn H sử dụng.

Đối chiếu với GCNQSDĐ số QSDĐ số A 459403 do UBND huyện K cấp cho ông Phan Th, nay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BA 462426 do UBND huyện K cấp ngày 01/4/2010 cho bà Nguyễn Thị Ng thì thửa đất số 155, tờ bản đồ số 01 đo đạc năm 1987 và diện tích đất thực tế bà Nguyễn Thị Ng đang sử dụng,

UBND huyện K khẳng định việc cấp GCNQSDĐ cho ông Phan Th nay là bà Nguyễn Thị Ng UBND huyện K chỉ căn cứ vào sơ đồ giải thửa và Hồ sơ do UBND xã T chuyển đến nhưng không trực tiếp đo đạc trên thực địa dẫn đến cấp sai vị trí thửa đất (vị trí đất thực tế là thửa 37a nhưng cấp GCNQSDĐ thành thửa 155) nên có sự sai lệch về diện tích đất trong GCNQSDĐ và diện tích đất trên thực địa mà bà Ng đang sử dụng.

Do vậy, UBND huyện K đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

* Kết quả thẩm định tại chỗ ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thể hiện như sau:

- Theo Giấy CNQSDĐ số BA 462426, thửa đất số 155; tờ bản đồ số 01(thực tế là thửa 37 A; tờ bản đồ số 03) do UBND huyện K cấp ngày 01/4/2010 cho bà Nguyễn Thị Ng, thửa đất bà Ng có chiều dài tứ cận như sau:

Đông giáp đất ông Trân, cạnh dài 104,5m; Tây giáp đất ông Đ, cạnh dài 107,5m; Nam giáp đất ông H, ông L, cạnh dài 17,7; Bắc giáp đường đi, cạnh dài 17m

- Theo Giấy CNQSDĐ số U 005065, thửa đất số 37; tờ bản đồ số 03 do UBND huyện K cấp ngày 13/9/2001 cho hộ ông Nguyễn Minh Đ, thửa đất ông Đ có diện tích 1200m^2 có chiều dài tứ cận như sau:

- Đông giáp đất bà Ng, cạnh dài 107,5m;
- Tây giáp đất ông T, cạnh dài 107,6m;
- Nam giáp đất ông L, ông H, cạnh dài 12m;
- Bắc giáp đường đi, cạnh dài 12,72m

Tài sản trên phần đất tranh chấp: 01 hàng cây keo cuba (nguyên đơn đã phát bỏ hiện tại chỉ còn gốc; 35 cây đinh lăng trồng năm 2017; 31 trụ tiêu trồng 2017 trên cây gòn

* Kết quả đo đạc thực tế ngày 20/7/2022 của Công ty TNHH kỹ thuật trắc địa Sài Gòn – Chi nhánh Đắk Lắk

+ Thửa đất của bà Nguyễn Thị Ng có diện tích 1797m^2 và tứ cận như sau:

- Đông giáp đất ông Tr, cạnh dài 103,46m;
- Nam giáp đất ông H, cạnh dài 16,66m;
- Bắc giáp đường đi, cạnh dài 16,38m.

Thiếu so với GCNQSDĐ được cấp là 557m^2

+ Thửa đất của ông Nguyễn Minh Đ có diện tích đo thực tế là 1351,5m^2 có vị trí như sau:

- Đông giáp đất bà Ng cạnh dài 109,18m;
- Tây giáp đất ông T, cạnh dài 111,75m;

- Nam giáp đất ông L, cạnh dài 13,21m;
- Bắc giáp đường đi cạnh dài 13,22m.
- Dư so với GCNQSDĐ được cấp là 151,5m^2

Phần đất mà nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn chiếm có vị trí (theo đại diện nguyên đơn chỉ) diện tích 150m^2 có vị trí như sau:

- Đông giáp đất bà Ng, cạnh dài 109,18m;
- Tây giáp đất ông Đ, cạnh dài 109,64m;
- Nam giáp đất ông Lớn, cạnh dài 1,5m;
- Bắc giáp đường đi cạnh dài 1,5m.

*** Kết quả định giá tài sản ngày 20/4/2023 của hội đồng định giá tài sản huyện K thể hiện**:

- Giá trị đất đang tranh chấp theo đơn giá nhà nước quy định có giá 40.000đ/m^2 (đất ông Đ là trồng cây lâu năm) x 79,3m^2 = 3.172.000đồng;

- Đất bà Ng (Đất trồng cây hàng năm) 72,7m^2 x 30.000đ/m^2 = 2.326.400 đồng

- Giá đất theo giá thị trường tại thời điểm định giá 300.000.đ/m^2, đất tranh chấp có giá 152 m^2 x 300.000.đ/m^2 = 45.600.000đồng;

+ Giá trị cây trồng trên đất:

- 31 cây gòn trồng năm 2017 x 89.000đ/cây = 2.726.000đồng

- 31 cây tiêu (loại C) trồng năm 2017 x 346.300đ/cây = 10.735.300 đồng

- 35 cây đinh lăng trồng năm 2017 x 34.000đ/cây = 1.190.000đồng;

Đối với hành keo cuba tại thời điểm định giá không còn nên Hội đồng không định giá.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Thanh H trình bày:

Tuy trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Minh Đ phải trả cho nguyên đơn phần đất có diện tích 152m^2 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả đo đạc của Công ty TNHH dịch vụ trắc địa Sài Gòn xác đinh diện tích đất bà Ng chỉ bị lấn chiếm 72.7m^2. Do vậy, tại phiên đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Đ phải trả cho nguyên đơn phần đất đã lấn chiếm có diện tích 72.7m^2. Nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với diện tích đất 79.3m^2; Đồng thời nguyên đơn xin rút yêu cầu chỉnh lại ký hiệu thửa đất mà gia đình bà Ng đang sử dụng từ thửa 155, tờ bản đồ số 01 sang thửa số 37A, tờ bản đồ số 03.

+ Bị đơn ông Nguyễn Minh Đ cho rằng ông không lấn đất của bà Ng nên mặc dù trước đây ông đồng ý lùi về phía đất của mình để trả cho bà Ng chiều rộng phía Bắc giáp đường đi 0,40cm; chiều rộng phía Nam giáp đất ông H, ông L rộng 0,40cm, (khoảng 40m^2) đất. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Đ khẳng định ông không lấn đất của bà Ng. Do vậy, ông Đ không chấp nhận trả lại đất theo yêu cầu cua bà

Ng .

+ Tất cả những người người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đầu vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị Kim L, UBND xã T, UBND huyện K đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh Tr, Nguyễn Đức T Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Kim L không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, căn cứ điều 227 và Điều 228 BLTTDS đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244 BLTTDS; Căn cứ Điều 166, Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 10, Điều 12, khoản 1 Điều 170 của Luật đất đai năm 2013;

Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng.

+ Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh Đ có nghĩa vụ trả cho bà Ng phần đất có diện tích 68m^2 có tứ cận và kích thước như sau:

- Đông giáp đất bà Ng, cạnh dài 109,18m;
- Tây giáp đất ông Đ, cạnh dài 109,64m;
- Bắc giáp đường đi, cạnh dài 0,49m;
- Nam giáp đất ông H, ông L, cạnh dài 0,76m.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất 79,3m^2 và yêu cầu điều chỉnh lại vị trí thửa đất đúng với đất của bà Ng.

+ Không chấp nhận cầu của bà Nguyễn Thị Ng về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh Đ trả lại phần đất có diện tích 4,7m^2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng lập ngày 04/3/2022, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"* được quy định tại khoản 9 Điều 26 của BLTTDS. Thửa đất tranh chấp tọa lạc tại xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, bị đơn ông Nguyễn Minh Đ cư trú tại xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh Tr, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Kim L không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh Trí, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Kim L, anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Minh L vắng mặt không có lý do, đại diện UBND huyện K, UBND xã T, chị Nguyễn Thị Kim Ng có đơn xin vắng mặt, căn cứ điều 227 và Điều 228 BLTTDS đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Xét về nội dung khởi kiện: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng yêu cầu ông Nguyễn Minh Đ trả cho bà Ng 72,7m^2 thuộc một phần thửa đất số 155, tờ bản đồ số 01. có chiều dài các cạnh là:

- Đông giáp đất bà Ng, cạnh dài 109,18m;
- Tây giáp đất ông Đ, cạnh dài 109,64m;
- Bắc giáp đường đi, cạnh dài 0,59m;
- Nam giáp đất ông Hồng Lớn, cạnh dài 0,76m.

HĐXX xét thấy mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Minh Đ cho rằng ông Đ không lấn chiếm đất của bà Ng, UBND xã T và cho rằng do khi cấp đất UBND xã không đo đạc trên thực địa mà chỉ căn cứ đơn kê khai của ông Phan Th, sau này là bà Nguyễn Thị Ng nên đã đã chuyển toàn bộ đơn yêu cầu và tài liệu đến UBND huyện để thực hiện việc chuyển tên từ ông Phan Th sang tên bà Nguyễn Thị Ng chứ không đo đạc, kiểm tra thực địa đối với thửa đất của ông Phan Th, UBND huyện K thừa nhận sau khi tiếp nhận hồ sơ từ UBND xã T, UBND huyện K đã thực hiện việc cấp GCNQSDĐ cho ông Phan Th và hiện tại là đất bà Nguyễn Thị Ng theo hồ sơ do UBND xã T để cấp GCNQSDĐ mà không đo đạc trên thực hiện việc cấp đất cho ông Phan Th nay là đất bà Ng dẫn đến có sai sót trong việc cấp chuyển đến dẫn đến cấp sai vị trí thửa đất (vị trí đất thực tế là thửa 37a nhưng cấp GCNQSDĐ thành thửa 155) nên có sự sai lệch về diện tích đất trong GCNQSDĐ và diện tích đất trên thực địa mà bà Ng đang sử dụng. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả thẩm định ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tòa án thấy rằng thửa đất mà bà Ng đang sử dụng trên thực địa là thửa đất số 37A, tờ bản đồ số 03 theo sơ đồ giải thửa đo đạc năm 1987 tại vị trí tranh chấp phía Nam thửa đất (giáp đất ông H, ông L) dài 17,7 nhưng hiện tại bà Ng đang sử dụng trên thực địa là 16,66m; chiều rộng phía Bắc thửa đất giáp đường đi, cạnh dài 17m nhưng hiện tại bà Ng đang sử dụng là 16,38m. Trong khi đó thửa đất ông Nguyễn Minh Đ đang sử dụng

theo GCNQSDĐ thửa đất ông Đ được cấp có diện tích 1200m^2. Trên thực tế ông Đ đang sử dụng 1351,5m^2 như vậy đất ông Đ đang sử dụng dư so với GCNQSDĐ được cấp là 151,5m^2. Mặt khác, tại vị trí tranh chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử chứng nhận quyền sử dụng đất và theo bản đồ giải thửa thửa đất ông Đ được cấp có chiều rộng cạnh phía Nam giáp đất ông H, ông L là 12m, thực tế ông Đ đang sử dụng là 13,22m (dư 1,22m); chiều dài cạnh phía Bắc giáp đường đi là 12,72m , thực tế ông Đ đang sử dụng là 13,21m (dư 0,49m)

Quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn yêu cầu ông Đ trả phần đất có diện tích 72,7m^2. Trong đó cạnh phía Bắc có chiều dài 0,59m, trên thực tế tại vị trí tranh chấp nói trên theo sơ đồ giải thửa đo đạc năm 1987 và GCNQSDĐ số U 005056 thì chiều dài cạnh phía Bắc đất ông Đ là 12,72m , thực tế ông Đ đang sử dụng là 13,21m - dư 0,49m. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 0,59m ở vị trí này là không phù hợp. Vì vậy, HĐXX cần bác yêu cầu của bà Ng về việc yêu cầu buộc ông Đ trả phần đất cho bà Ng phần đất tại vị trí phía Bắc giáp đường đi chiều dài là 0,59m. mà cần buộc ông Đ trả cho bà Ng phần đất phía bắc giáp đường đi chiều dài 0,49m là phù hợp. Đối với vị trí tranh chấp là cạnh phía Nam của thửa đất, tại vị trí này theo sơ đồ giải thửa đo đạc năm 1987 và GCNQSDĐ số U 005056 có chiều dài là 12m, thực tế ông Đ đang sử dụng là 13,22 - dư 1,22m. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Đ trả lại phần đất có chiều dài 0,78m.

Như vậy, xét về kích thước và diện tích đất mà ông Đ đang sử dụng đều dư so với GCNQSDĐ ông Đ được cấp.

Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"1.Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Từ những phân tích nêu trên HĐXX xét thấy cần buộc ông Nguyễn Minh Đ cần buộc ông Nguyễn Minh Đ phần đất có diện tích 68m^2 và có vị trí tiếp

giáp như sau:

Đông giáp đất bà Ng, cạnh dài 109,18m; Tây giáp đất ông Đ, cạnh dài 109,64m; Nam giáp đất ông H, ông L cạnh dài 0,78m; Bắc giáp đường đi cạnh dài 0,49m là phù hợp.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ng về việc buộc ông Nguyễn Minh Đ trả phần đất có diện tích 4,7m^2

[4]. Đối với việc trong đơn khởi kiện bà Ng yêu cầu ông Nguyễn Minh Đ trả lại phần đất có diện tích 152m^2. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà Ng chỉ yêu cầu ông Đ phải trả phần đất có diện tích 72,7m^2 và xin rút yêu cầu đối với phần đất có diện tích 79.3m^2. HĐXX xét thấy việc đại diện theo ủy quyền của bà Ng xin rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật. Do vậy HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất nói trên là phù hợp.

[5]. Đối với việc trong đơn khởi kiện bà Ng đề nghị UBND huyện K điều chỉnh lại ký hiệu thửa đất cho đúng với thửa đất mà gia đình bà Ng đang sử dụng từ thửa 155, tờ bản đồ số 01 sang thửa số 37A, tờ bản đồ số 03 theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu này. Việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, hơn nữa việc điều chỉnh này không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chỉnh lý ký hiệu thửa đất của bà Ng là phù hợp.

[6] Về chi phí tố tụng: Để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí cụ thể như sau: Tiền chi phí trích đo địa chính thửa đất là 5.700.000 đồng; Tiền chi phí thẩm định ngày 20/7/2022 là 1.600.000 đồng; Tiền chi phí định giá tài sản ngày 20/4/2023 là 2.700.000 đồng. Tổng cộng là: 10.000.000 đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, một phần với diện tích 68m^2 nên cần buộc ông Nguyễn Minh Đ phải chịu chi phí tố tụng với số tiền là 4.444.100 đồng (Bốn triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm đồng) tiền chi phí tố tụng. Số tiền trên nguyên đơn đã nộp nên cần buộc ông Đ phải trả lại cho bà Ng số tiền này là phù hợp.

Do nguyên đơn rút yêu cầu đối với phần đất có diện tích 79,3m^2 và HĐXX bác yêu cầu của nguyên đơn phần đất có diện tích 4,7 m^2 phải chịu chi phí tố tụng là 5.555.900 đồng Năm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm đồng). Số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và Tòa án đã chi phí xong, nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần tương đương số tiền là 2.026.500đ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1950, theo Điều 2 Luật người cao tuổi thì bị đơn ông Đ là người cao tuổi. Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án, miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Đ .

Bà Nguyễn Thị Ng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đề cập giải quyết.

[8]. Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 1 Điều 166; Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ Điều 166; Điều 175 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 10; Điều 12 khoản 1 Điều 170; Điều 202 khoản Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng.

+ Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ng phần đất có diện tích 68m^2, có vị trí như sau:

Đông giáp đất bà Ng, cạnh dài 109,18m; Tây giáp đất ông Đ, cạnh dài 109,7m; Nam giáp đất ông H cạnh dài 0,78m; Bắc giáp đường đi cạnh dài 0,49m

5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ng được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đề cập giải quyết.

Ông Nguyễn Minh Đ được miễn toàn bộ tiền tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án*

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

T.M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.